



8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

.....

9. Học vị:

– Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 01 năm 1999, ngành Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học KHTN, ĐHQG Hà Nội, Việt Nam/144 đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

– Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 03 năm 2005, ngành Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN/E3, 144 đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

– Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 12 năm 2014, ngành Công nghệ thông tin ứng dụng, chuyên ngành: Công nghệ thông tin ứng dụng

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Viện Khoa học Trung Quốc (University of Chinese Academy of Sciences), Trung Quốc/1068 Xueyuan Avenue, Shenzhen University Town, Shenzhen, P.R.China

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS thời gian: Không có., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HDGS ngành, liên ngành: Hội đồng ngành Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phương pháp Rừng ngẫu nhiên hồi quy xử lý bài toán dữ liệu chiều cao;

- Phân lớp dữ liệu sử dụng phương pháp Học máy kết hợp (ensemble);

- Phương pháp Học máy hồi quy xử lý dữ liệu chuỗi thời gian, ứng dụng cho các bài toán dự báo trong lĩnh vực thủy lợi.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã công bố (số lượng) 6 bài báo KH trong nước, 18 bài báo KH trên tạp chí có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó có 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

| Bài báo khoa học tiêu biểu |                                                                                |             |                            |                                              |     |    |         |              |
|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----|----|---------|--------------|
| TT                         | Tên bài báo                                                                    | Tên tác giả | Loại công bố (chỉ số IF)   | Tên tạp chí, kỉ yếu khoa học                 | Tập | Số | Trang   | Năm xuất bản |
| 1                          | An efficient random forests algorithm for high dimensional data classification |             | SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.098) | Advances in Data Analysis and Classification | 12  |    | 953-972 | 2018         |
| 2                          | Two-level quantile regression forests for bias correction in range prediction  |             | SCI (KHTN-CN) (IF: 2.809)  | Machine Learning                             | 101 |    | 325-343 | 2015         |

|   |                                                                                                             |  |                                   |                                                                                               |      |   |         |      |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|---|---------|------|
| 3 | Genome-wide association data classification and SNPs selection using two-stage quality-based Random Forests |  | SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.501)        | BMC genomics                                                                                  | 16   | 2 | S5      | 2015 |
| 4 | A New Feature Sampling Method in Random Forests for Predicting High-Dimensional Data                        |  | Scopus (KHTN-CN) (IF: SJR = 0.28) | Lecture Notes in Computer Science. Springer. Advances in Knowledge Discovery and Data Mining. | 9078 |   | 459-470 | 2015 |
| 5 | Extensions to Quantile Regression Forests for Very High-Dimensional Data                                    |  | Scopus (KHTN-CN) (IF: SJR = 0.28) | Lecture Notes in Computer Science. Springer. Advances in Knowledge Discovery and Data Mining. | 8444 |   | 247-258 | 2014 |

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 2004-2005, 2006-2007, 2007-2008, 2008-2009, 2009-2010, 2016-2017, 2017, cấp Cấp cơ sở.
- Bằng khen cấp Bộ 2009, cấp Cấp Bộ.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

***Về tiêu chuẩn của nhà giáo:***

- *Có Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;*
- *Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm;*
- *Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;*
- *Có Lý lịch bản thân rõ ràng.*

***Về thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo:***

- *Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình đào tạo của Trường;*
- *Giương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ trường đại học, nội quy, quy chế của Trường;*
- *Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của người giảng viên; tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng với sinh viên và học viên; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên và học viên;*
- *Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho sinh viên và học viên;*
- *Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.Từ năm 1998 đến nay, tôi đãgiảng dạy các môn: Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật, Các hệ cơ sở tri thức, Tin học Đại cương, Học máy, Numerical Modelling and Risk Analysis (dạy bằng Tiếng Anhvà đãhoànthành một số nhiệm vụ cụ thểsau:*

+ *Giảng dạy lý thuyết vàbài tậpcho sinh viên đại học.*

+ *Giảng dạy lý thuyết cho học viên cao học.*

+ *Hướng dẫn 35 sinh viên làm đồ án tốt nghiệp, 5 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ.* □

+ Hướng dẫn 8 nhóm sinh viên làm nghiên cứu khoa học.

Đối chiếu với các tiêu chuẩn hiện hành, tôi tự xét thấy đạt tiêu chuẩn chức danh PGS.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 21 năm.

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

| TT               | Năm học   | Hướng dẫn NCS |     | HD luận văn<br>ThS | HD đồ án, khóa luận<br>tốt nghiệp ĐH | Giảng dạy |     | Tổng số giờ giảng/số giờ quy<br>đổi |
|------------------|-----------|---------------|-----|--------------------|--------------------------------------|-----------|-----|-------------------------------------|
|                  |           | Chính         | Phụ |                    |                                      | ĐH        | SDH |                                     |
| 1                | 2005-2006 | 0             | 0   | 0                  | 3                                    | 373       | 0   | 372.8                               |
| 2                | 2006-2007 | 0             | 0   | 0                  | 4                                    | 421       | 0   | 468.6                               |
| 3                | 2015-2016 | 0             | 0   | 0                  | 6                                    | 193       | 0   | 277.33                              |
| 3 thâm niên cuối |           |               |     |                    |                                      |           |     |                                     |
| 1                | 2016-2017 | 0             | 0   | 1                  | 7                                    | 186       | 0   | 353.97                              |
| 2                | 2017-2018 | 0             | 0   | 1                  | 6                                    | 161       | 45  | 359.91                              |
| 3                | 2018-2019 | 0             | 0   | 3                  | 0                                    | 181       | 0   | 320.7                               |

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

– Học ĐH ☐; Tại nước: từ năm:

– Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☒; Tại nước: Trung Quốc năm: 2014

– Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... ; Số bằng: ... ; Năm cấp: ...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình tiên tiến, Trường Đại học Thủy Lợi

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bản, chứng chỉ): Thành thạo

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc HV | Đối tượng |    | Trách nhiệm HD |     | Thời gian hướng<br>dẫn<br>từ .....đến..... | Cơ sở đào tạo                       | Năm được cấp bằng/có<br>quyết định cấp bằng |
|----|-----------------------|-----------|----|----------------|-----|--------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------|
|    |                       | NCS       | HV | Chính          | Phụ |                                            |                                     |                                             |
| 1  | Vũ Văn Luân           |           | ✓  | ✓              |     | 09/2016 đến<br>09/2017                     | Trường Đại học Công<br>nghệ, ĐHQGHN | 2017                                        |
| 2  | Phạm Như Sơn          |           | ✓  | ✓              |     | 03/2017 đến<br>03/2018                     | Trường ĐH Thủy lợi                  | 2018                                        |
| 3  | Nguyễn Thị<br>Duyên   |           | ✓  | ✓              |     | 09/2018 đến<br>05/2019                     | Trường ĐH Thủy lợi                  | 2019                                        |
| 4  | Tạ Anh Tuấn           |           | ✓  |                | ✓   | 09/2018 đến<br>05/2019                     | Trường ĐH Thủy lợi                  | 2019                                        |
| 5  | Hoàng Trọng<br>Triệu  |           | ✓  |                | ✓   | 09/2018 đến<br>05/2019                     | Trường ĐH Thủy lợi                  | 2019                                        |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

\*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có

\*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ Không có

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                         | CN/PCN/TK     | Mã số và cấp quản lý    | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------|---------------------|-----------------------------------------|
| 1  | Nghiên cứu xây dựng hệ thống phần mềm tác nghiệp quản lý đề điều và các công trình trên đê, phục vụ phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai cho vùng Hà Nội | Chủ nhiệm     | 01C-07/01-2012-2, Bộ/Sở | 06/2012 đến 06/2014 | 03/02/2015                              |
| 2  | Nghiên cứu mô hình CSDL dùng chung cho QLSV Trường ĐHTL                                                                                                | Chủ nhiệm     | 00, Cơ sở               | 06/2003 đến 06/2004 | 06/12/2004                              |
| 3  | Xây dựng cơ sở dữ liệu và chương trình quản lý điểm của sinh viên Trường Đại học Thủy lợi                                                              | Chủ nhiệm     | 00, Cơ sở               | 09/2004 đến 10/2005 | 06/12/2005                              |
| 4  | Xây dựng phần mềm quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ phục vụ công tác quản lý khoa học công nghệ                                        | Chủ nhiệm     | 00, Cơ sở               | 09/2008 đến 09/2009 | 09/02/2010                              |
| 5  | Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện phần mềm quản lý dữ liệu khoa học công nghệ                                                                | Chủ nhiệm     | 00, Cơ sở               | 02/2010 đến 12/2010 | 08/12/2010                              |
| 6  | Nghiên cứu xây dựng tiêu chí khung logic phân loại nội dung thông tin biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn                           | Chủ nhiệm     | 00, Cơ sở               | 01/2011 đến 12/2011 | 17/12/2011                              |
| 7  | Nghiên cứu các phương pháp tra cứu thông tin multimedia hoàn thiện CSDL phục vụ an toàn hồ chứa                                                        | Chủ nhiệm     | 00, Cơ sở               | 01/2011 đến 12/2011 | 22/03/2012                              |
| 8  | Xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp dùng chung phục vụ cho ngành thủy lợi                                                                                  | Phó chủ nhiệm | 00, Bộ/Sở               | 01/2012 đến 12/2014 | 25/01/2015                              |

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

\*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

| TT | Tên bài báo                                                                                               | Số tác giả | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học                                                                               | Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*) | Số trích dẫn của bài báo | Tập/Số | Trang   | Năm công bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|--------|---------|-------------|
| 1  | Extensions to Quantile Regression Forests for Very High-Dimensional Data                                  | 5          | Lecture Notes in Computer Science. Springer. Advances in Knowledge Discovery and Data Mining.                  | Scopus (KHTN-CN) (IF: SJR = 0.28)  | 9                        | 8444/  | 247-258 | 2014        |
| 2  | Ensemble clustering of high dimensional data with fastmap projection                                      | 4          | Lecture Notes in Computer Science. Trends and Applications in Knowledge Discovery and Data Mining. PAKDD 2014. | Scopus (KHTN-CN) (IF: SJR = 0.28)  | 12                       | 8643/  | 483-493 | 2014        |
| 3  | Bias-corrected quantile regression forests for high-dimensional data                                      | 4          | 2014 International Conference on Machine Learning and Cybernetics                                              | Khác                               | 2                        | 1/     | 1-6     | 2014        |
| 4  | A New Two-step Quality-based Feature Sampling Method in Learning Random Forests for High-Dimensional Data | 3          | the 1st NAFOSTED Conference on Information and Computer Science                                                | Khác                               |                          | 0/     | 457-466 | 2014        |

|   |                                                                                                          |   |                                                                            |      |    |     |         |      |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------|------|----|-----|---------|------|
| 5 | Dự báo mực nước trên sông mê-kông dùng mô hình hồi quy phi tuyến random forests                          | 2 | Hội nghị khoa học thường niên Trường Đại học Thủy lợi                      | Khác |    | 1/  | 450-454 | 2014 |
| 6 | Learning time-based rules for prediction of alarms from telecom alarm data using ant colony optimization | 3 | Int. J. Comput. Inf. Technol.                                              | Khác | 5  | 13/ | 139-147 | 2013 |
| 7 | A real time license plate detection system based on Boosting learning algorithm                          | 2 | 2012 5th International Congress on Image and Signal Processing (CISP 2012) | Khác | 13 | 1/  | 819-823 | 2012 |

\*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

| TT | Tên bài báo                                                                                                  | Số tác giả | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học                                                                                                          | Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*) | Số trích dẫn của bài báo | Tập/Số | Trang   | Năm công bố |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|--------|---------|-------------|
| 8  | Một mô hình học sâu cho phát hiện cảm xúc khuôn mặt                                                          | 3          | Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ XII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR)                                          | Khác                               |                          | /      |         | 2019        |
| 9  | Water level prediction at tích-bui river in vietnam using support vector regression                          | 2          | 2019 International Conference on Machine Learning and Cybernetics (ICMLC)                                                                 | Khác                               |                          | 2/     | 427-432 | 2019        |
| 10 | An efficient random forests algorithm for high dimensional data classification                               | 4          | Advances in Data Analysis and Classification                                                                                              | SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.098)         | 2                        | 12/    | 953-972 | 2018        |
| 11 | Detection of SNP-SNP Interactions in Genome-wide Association Data Using Random Forests and Association Rules | 2          | 2018 12th International Conference on Software, Knowledge, Information Management & Applications                                          | Khác                               |                          | /      | 1-7     | 2018        |
| 12 | Stratified over-sampling bagging method for random forests on imbalanced data                                | 6          | Lecture Notes in Computer Science. Springer. Intelligence and Security Informatics. PAISI 2016.                                           | Scopus (KHTN-CN) (IF: SJR = 0.28)  | 4                        | 9650/  | 63-72   | 2016        |
| 13 | A frequency-based gene selection method with random forests for gene data analysis                           | 5          | 2016 IEEE RIVF International Conference on Computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (RIVF) | Scopus (KHTN-CN) (IF: SJR=0.13)    | 1                        | 1/     | 193-198 | 2016        |
| 14 | Deep learning: Ứng dụng cho dự báo lưu lượng nước đến hồ chứa hòa bình                                       | 2          | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ IX “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR'9)”                                 | Khác                               |                          | 1/     | 235-478 | 2016        |
| 15 | Two-level quantile regression forests for bias correction in range prediction                                | 3          | Machine Learning                                                                                                                          | SCI (KHTN-CN) (IF: 2.809)          | 16                       | 101/   | 325-343 | 2015        |

|    |                                                                                                             |   |                                                                                                   |                                      |    |       |         |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----|-------|---------|------|
| 16 | Genome-wide association data classification and SNPs selection using two-stage quality-based Random Forests | 5 | BMC genomics                                                                                      | SCIE (KHTN-CN)<br>(IF: 3.501)        | 42 | 16/2  | S5      | 2015 |
| 17 | Unbiased feature selection in learning random forests for high-dimensional data                             | 3 | Scientific World Journal                                                                          | Scopus (KHTN-CN)<br>(IF: SJR = 0.39) | 24 | 2015/ |         | 2015 |
| 18 | An L1-Regression Random Forests Method for Forecasting of Hoa Binh Reservoir's Incoming Flow                | 1 | 2015 Seventh International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)                  | Khác                                 | 4  | /     | 360-364 | 2015 |
| 19 | Forecasting time series water levels on Mekong river using machine learning models                          | 3 | 2015 Seventh International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)                  | Khác                                 | 9  | /     | 292-297 | 2015 |
| 20 | Classifying gene data with regularized ensemble trees                                                       | 4 | 2015 International Conference on Machine Learning and Cybernetics (ICMLC)                         | Khác                                 | 1  | /     | 134-139 | 2015 |
| 21 | A New Feature Sampling Method in Random Forests for Predicting High-Dimensional Data                        | 5 | Lecture Notes in Computer Science. Springer. Advances in Knowledge Discovery and Data Mining.     | Scopus (KHTN-CN)<br>(IF: SJR = 0.28) | 3  | 9078/ | 459-470 | 2015 |
| 22 | Cải tiến phương pháp rừng ngẫu nhiên có điều hướng để áp dụng cho dữ liệu snp                               | 2 | Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR) | Khác                                 |    | 1/    | 88-95   | 2015 |
| 23 | Dự đoán sự hài lòng về chất lượng dịch vụ tưới tiêu tại đồng bằng sông hồng dùng các mô hình hồi quy        | 1 | Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR) | Khác                                 |    | 1/    | 244-256 | 2015 |
| 24 | Phương pháp lấy mẫu thuộc tính mới trong rừng ngẫu nhiên cho phân tích dữ liệu SNP                          | 4 | Tạp chí Khoa học và Phát triển                                                                    | Khác                                 |    | 13/2  | 301-307 | 2015 |

Chú thích: (\*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KHXXH-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

\*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có.

\*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ Không có.

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):

\*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

Không có.

\*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

Không có.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

| TT | Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ | Vai trò:<br>Chủ trì/Tham gia | Tên cơ sở giáo dục đại học |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------|
| 1  | Công nghệ thông tin trình độ Thạc sỹ                                                                        | Chủ trì                      | Trường Đại học Thủy Lợi    |
| 2  | Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học                                                                          | Chủ trì                      | Trường Đại học Thủy Lợi    |
| 3  | Hệ thống thông tin trình độ đại học                                                                         | Chủ trì                      | Trường Đại học Thủy Lợi    |
| 4  | Công nghệ thông tin trình độ đại học                                                                        | Chủ trì                      | Trường Đại học Thủy Lợi    |

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐



**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày..... tháng..... năm 201...

Người đăng ký

(Ghi rõ họ tên, ký tên)

**D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC**

– Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai.

– Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

..., ngày.....tháng.....năm 201...

Thủ trưởng cơ quan

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)